

# Khai thác giá trị các thiết chế văn hóa liên quan đến biển đảo trong phát triển du lịch biển

TS. NGUYỄN THỊ MỸ LINH  
Học viện Báo chí và Tuyên truyền

● NGÀY NHẬN BÀI: 25/10/2023 ● NGÀY PHẢN BIỆN: 27/10/2023  
● NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 05/12/2023

**Tóm tắt:** Thiết chế văn hóa liên quan đến không gian biển đảo là một trong những thành tố quan trọng tạo nên diện mạo văn hóa biển đảo. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 chỉ rõ: “Chú trọng phát triển các thiết chế văn hóa cho cộng đồng dân cư biển và ven biển; phát huy bản sắc, giá trị lịch sử và văn hóa dân tộc, tri thức tốt đẹp trong ứng xử với biển, coi đây là nền tảng quan trọng để xây dựng văn hóa biển”. Phát triển kinh tế biển, đặc biệt là phát triển hoạt động du lịch biển, bên cạnh các tiềm năng về điều kiện tự nhiên, cảnh quan, vị trí địa lý... cần quan tâm khai thác tiềm năng và giá trị các thiết chế văn hóa trong không gian văn hóa biển đảo.

**Từ khóa:** *Thiết chế văn hoá, biển đảo, phát triển du lịch.*

## 1. NHẬN DIỆN, PHÂN LOẠI THIẾT CHẾ VĂN HÓA LIÊN QUAN ĐẾN BIỂN ĐẢO

Bất kỳ một giai đoạn lịch sử hay một chế độ xã hội nào cũng cần có những thiết chế văn hoá để truyền tải các vấn đề văn hóa - xã hội một cách chính thống của nhà nước đến các tầng lớp nhân dân. Thiết chế văn hóa hoạt động cụ thể, thường xuyên trong khuôn khổ pháp luật hoặc quy chế của ngành, đoàn thể đáp ứng nhu cầu của công chúng và góp phần phát triển đời sống văn hóa.

Văn hóa biển hay văn hóa biển đảo là khái niệm còn khá mới mẻ ở nước ta. Khái

niệm văn hóa biển đảo tồn tại một số cách hiểu khác nhau. Theo tác giả Ngô Đức Thịnh, văn hóa biển là sống với biển, gắn bó với biển, từ đó hình thành các tri thức, các giá trị, biểu tượng rút ra từ biển. Theo Trần Ngọc Thêm (2015) văn hóa biển là toàn bộ các giá trị do con người sáng tạo, tích lũy trong quá trình sống với biển, lấy biển làm nguồn sống chính Nhìn chung, khi nói đến văn hóa biển đảo không thể không nhắc đến hai yếu tố gắn bó, có mối quan hệ tác động qua lại với nhau là biển cả và con người. Văn hóa biển đảo biểu hiện qua các thành tố tiêu biểu: phương thức sản xuất

(chủ yếu là hoạt động đánh bắt thủy hải sản của cư dân ngư nghiệp); hệ thống lễ hội gắn liền với môi trường biển đảo; các phong tục tập quán mang sắc thái biển đảo (những quan niệm may rủi, những điều kiêng kị... thể hiện thái độ ứng xử của ngư dân trước biển cả) và hệ thống các thiết chế văn hóa liên quan đến biển đảo.

Thiết chế văn hóa trong không gian văn hóa biển đảo bao gồm các di tích lịch sử văn hóa, các công trình kiến trúc liên quan đến đời sống tín ngưỡng, tâm linh, các thực hành lễ hội và các hoạt động văn hóa thường ngày của cư dân vùng biển đảo. Với lợi thế có hơn 3.200km bờ biển, hơn 1 triệu km<sup>2</sup> diện tích mặt nước biển, gần 2.800 đảo ven bờ, khoảng 125 bãi biển, vịnh biển và 28 trên tổng số 63 tỉnh, thành phố có vị trí địa lý giáp biển, hệ thống thiết chế văn hóa trong không gian biển đảo trên lãnh thổ nước ta có số lượng phong phú, đa dạng, trải dài khắp từ Bắc vào Nam.

Có nhiều tiêu chí khác nhau để nhận diện, phân loại thiết chế văn hóa gắn với không gian biển đảo như: thời gian xây dựng, hình thức sở hữu, chức năng... Về thời gian xây dựng, có thể lấy mốc trước và sau năm 1975 để phân loại thiết chế văn hóa trong không gian biển đảo. Về hình thức sở hữu, các thiết chế văn hóa biển đảo gồm: thiết chế văn hóa công lập; thiết chế văn hóa bán công; thiết chế văn hóa dân lập, tư thực, tư nhân. Xét về chức năng, thiết chế văn hóa biển đảo gồm: thiết chế văn hóa tâm linh (đình, đền, chùa, miếu...); thiết chế văn hóa giáo dục (nhà văn hóa, bảo tàng, thư viện...); thiết chế văn hóa giải trí (nhà hát, rạp chiếu phim, công viên, vườn hoa...).

Trong các loại hình thiết chế văn hóa

liên quan đến biển đảo, loại hình thiết chế văn hóa phục vụ nhu cầu tâm linh gắn với tín ngưỡng tôn giáo, nơi tổ chức các nghi lễ, phong tục tập quán liên quan đến hoạt động lao động sản xuất của cư dân vùng biển như đình, đền, chùa, miếu, lăng... và loại hình thiết chế văn hóa ghi nhớ, tưởng niệm những người có công với cư dân ngư nghiệp và vùng biển chiếm số lượng chủ yếu. Nhiều thiết chế văn hóa liên quan đến biển đảo được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh, cấp quốc gia như: lăng Vạn Thủy Tú (di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, Bình Thuận); Đình Vạn Hội An (di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh, Bình Thuận); Cụm di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật đình, chùa, miếu, nghề Quan Lạn (di tích cấp quốc gia, Quảng Ninh); chùa Đá Trắng (di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, Phú Yên); Hòn Khoai (di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, Cà Mau); đền thờ Nguyễn Trung Trực (di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, Kiên Giang)... Trong khoảng vài chục năm trở lại đây, loại hình thiết chế bảo tàng có xu hướng mở rộng phát triển tại nhiều vùng biển đảo, đặc biệt là loại hình bảo tàng tư nhân. Bảo tàng lưu giữ các hiện vật liên quan đến cuộc sống ngư nghiệp, phương tiện lao động sản xuất trong lịch sử hình thành phát triển của cư dân vùng biển ngày càng có thu hút sự quan tâm của công chúng trong và ngoài vùng, du khách quốc tế.

Có thể thấy, hầu như bất kỳ vùng biển nào cũng có các thiết chế văn hóa. Số lượng các thiết chế văn hóa trong không gian văn hóa biển đảo vì thế, chiếm số lượng tương đối nhiều. Đặc điểm nổi bật để nhận diện thiết chế văn hóa trong không gian văn hóa biển đảo là phải gắn với hoạt động của cư dân biển đảo, thể hiện màu sắc văn hóa

biển đảo. Để trở thành một thiết chế văn hóa biển đảo cần bảo đảm các thành tố: cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động; bộ máy tổ chức nhân sự; quy chế hoạt động; nguồn kinh phí và công chúng.

## 2. GIÁ TRỊ CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA LIÊN QUAN ĐẾN BIỂN ĐẢO

Các thiết chế văn hóa hình thành và phát triển cùng quá trình lao động, sản xuất và sinh hoạt văn hóa của mọi tầng lớp nhân dân. Thiết chế văn hóa nói chung, thiết chế văn hóa liên quan đến biển đảo nói riêng có vai trò quan trọng trong đời sống văn hoá của cư dân vùng biển.

Trước hết, các thiết chế văn hóa trong không gian văn hóa biển đảo là địa điểm tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, là cầu nối của các cấp ủy, chính quyền trong lãnh đạo quần chúng thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Thiết chế văn hóa cũng là môi trường thuận lợi có vai trò giáo dục nhiều mặt đến đời sống nhân cách con người, xây dựng và duy trì nếp sống, lối sống văn minh. Nhờ có thiết chế văn hóa nên các nhu cầu sáng tạo, học tập, vui chơi, hưởng thụ, giải trí... của các tầng lớp nhân dân được đáp ứng. Tham gia các thiết chế văn hóa góp phần tạo ra mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người, hình thành môi trường giao tiếp cộng đồng thoải mái, vui vẻ, lành mạnh.

Xuất phát từ đặc thù gắn với biển đảo và cư dân vùng biển, các thiết chế văn hóa có vai trò quan trọng trong việc lưu giữ, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, sinh vật biển. Tài nguyên thiên nhiên, sinh vật biển là món quà thiên nhiên ưu đãi cho cư dân vùng biển. Tuy nhiên, nguồn tài nguyên ấy không phải là vô tận. Nếu không biết bảo vệ, gìn giữ

tài nguyên sẽ dần bị cạn kiệt, thậm chí biến mất. Tại các vùng ven biển, nhiều khu dự trữ sinh quyển, khu bảo tồn thiên nhiên, bảo tàng được xây dựng. Một trong những khu bảo tồn được quan tâm sớm nhất ở nước ta là Khu bảo tồn sinh vật biển Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang). Thành lập năm 2007, khu bảo tồn rộng khoảng 27 vạn héc ta có nhiệm vụ bảo vệ diện tích cỏ biển và san hô. Khu bảo tồn lưu giữ nhiều thực vật biển quý hiếm như: các rặng san hô đủ sắc màu, thảm cỏ biển diện tích lên tới 1 vạn héc ta...; nhiều loài động vật quý hiếm được các tổ chức quốc tế đưa vào sách đỏ: bò biển, rùa biển, cá heo... Bảo tàng Hải Dương học tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được thành lập năm 1923 và từ đó đến nay liên tục được bổ sung mẫu vật, trở thành một trong những bảo tàng tự nhiên có giá trị và bề dày lịch sử của Việt Nam. Với diện tích 5.000m<sup>2</sup>, bảo tàng Hải dương học mở ra một thế giới đại dương kỳ thú, sống động. Nơi đây lưu giữ và trưng bày hơn 22.000 mẫu vật của hơn 5.000 loại sinh vật biển, trong đó có nhiều mẫu vật quý của quốc gia. Tại bảo tàng còn có khu hồ nuôi hơn 300 loài sinh vật biển như: các loài rùa biển, sam, cá mập, cá đuối, cá bướm, cá mao tiên, chình thiên long, cá khoang cổ cộng sinh với hải quỳ, các loài sao biển, cầu gai, huệ biển, hải sâm, san hô, các loài tôm cua...

Các thiết chế văn hóa liên quan đến biển đảo là nơi lưu giữ và thể hiện rõ nét bản sắc văn hóa vùng miền. Bản sắc văn hóa ấy được thể hiện qua các phong tục tập quán, tín ngưỡng, hệ thống lễ hội, nghệ thuật kiến trúc, chất liệu xây dựng... được bảo lưu, tái hiện, phục dựng qua nhiều hoạt động tại các thiết chế văn hóa. Đối tượng thờ cúng và hoạt động thờ cúng tại đình, đền, chùa ở hầu

hết vùng biển đều gắn với các nhân vật có thật trong lịch sử, hoặc các nhân vật trong huyền thoại, truyền thuyết có ảnh hưởng tới đời sống của cư dân ngư nghiệp. Nhiều thiết chế văn hóa lấy chất liệu từ biển để xây dựng kiến trúc, kết cấu mô phỏng hình dáng các yếu tố đặc trưng cho biển cả như: chùa Từ Vân (tỉnh Khánh Hòa), bảo tàng Cội Nguồn Phú Quốc, bảo tàng thư viện tỉnh Quảng Ninh... Chùa Từ Vân còn có tên gọi là chùa Ốc, chùa San Hô là một công trình kiến trúc có một không hai ở nước ta. Chùa được xây dựng năm 1968 với nguyên vật liệu chủ yếu từ vỏ ốc, vỏ sò và những viên đá san hô. Với nỗ lực gìn giữ, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống nói chung, văn hóa vùng biển nói riêng, nhiều địa phương tu bổ, xây mới bảo tàng, trở thành một trong những địa điểm du lịch hấp dẫn du khách khi đến vùng biển. Bảo tàng tư nhân Cội nguồn Phú Quốc được thành lập năm 2009 được coi là nơi chứa đựng cái hồn của huyện đảo Phú Quốc. Hiện, bảo tàng lưu giữ số lượng lớn các hiện vật liên quan đến hoạt động nghề nghiệp của cư dân biển: ghe thuyền, các dụng cụ đánh bắt thủy hải sản, dụng cụ chế biến đặc sản nước mắm Phú Quốc... và lưu giữ bộ sưu tập liên quan đến vùng biển Phú Quốc bao gồm 90 loại ốc, sò; 20 hiện vật xương cá voi, bò biển; 20 loại măng đá và 10 loại san hô... Bảo tàng thư viện Quảng Ninh được ví là viên ngọc đen của tỉnh Quảng Ninh, nằm ngay bên cạnh vịnh Hạ Long, gồm 3 tầng trưng bày những hiện vật thể hiện những nét đặc trưng nhất của đời sống văn hóa và lịch sử Quảng Ninh. Nổi bật là không gian tầng 1 dành riêng cho biển cả và tự nhiên với các hiện vật: khung xương cá, mô hình thuyền buồm... Đặc biệt với thiết kế bốn trụ theo dạng ống núi cùng lớp vỏ bao phủ mô phỏng hình ảnh, màu sắc núi đá Hạ

Long kết hợp hiệu ứng ánh sáng, bảo tàng tái hiện hình ảnh một lòng vịnh thực sự thú vị, hấp dẫn.

Hoạt động tại các thiết chế văn hóa thể hiện khát vọng, ý thức hướng về cội nguồn của cư dân ngư nghiệp. Ngư dân chính là những người yêu biển, gắn bó với biển nhiều nhất. Họ gửi gắm ước mơ, khát vọng của mình vào biển và họ cũng là những người đã làm nên di sản văn hóa biển. Điều này thường thể hiện qua các thiết chế văn hóa gắn với các lễ hội tưởng nhớ công lao những người khai hoang lập ấp, những người có công với làng của cư dân vùng biển, ven biển, đặc biệt rõ nét qua tín ngưỡng thờ cá Ông. Tín ngưỡng thờ Cá ông phổ biến ở khắp các vùng biển. Hầu như vùng biển đảo cũng có các thiết chế văn hóa đình, đền, chùa, miếu... thờ linh vật này: Vạn An Thạnh, Vạn Mỹ Khê, Đình Vạn Hội An (huyện đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận); đình Quan Lạn (huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh); cụm di tích lịch sử nghề, chùa, miếu Diêm Phố (huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa); dinh Vạn Thủy Tú (thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận); hệ thống lăng thờ cá Ông (huyện đảo Lý Sơn, Quảng Ngãi)... Trong tâm thức của người dân làng biển, cá Ông (hay còn gọi là Cá Voi, đặt tước hiệu là Nam Hải đại tướng) là vị thần độ mạng, là chỗ dựa tinh thần, là nơi gửi gắm niềm tin trong những ngày tháng lênh đênh trên biển. Ngư dân tin rằng Cá Ông sẽ giúp họ thuận buồm xuôi gió và che chở cho họ khi gặp sóng to, gió lớn ngoài biển khơi. Ở nhiều nơi, các thiết chế văn hóa thờ cá Ông do chính người dân vùng biển góp sức góp của xây dựng nên. Dinh Vạn Thủy Tú (tỉnh Bình Thuận) còn lưu giữ và thờ phụng gần như nguyên vẹn bộ xương cá Ông dài khoảng 22m, nặng 65

tấn, có niên đại hơn 100 năm, được coi là bộ xương cá Ông dài và lớn nhất Đông Nam Á. Song song với việc thờ cá Ông, ngư dân vùng biển còn thực hành các lễ hội liên quan đến việc thờ phụng cá Ông tại các thiết chế văn hóa tâm linh như: lễ hội ông Nghinh (Kiên Giang), lễ tế cá Ông (Quảng Nam)... Bên cạnh việc thờ cá Ông - linh vật thiêng của người đi biển, các cư dân ngư nghiệp cũng thờ ông tổ nghề biển, những người có công với làng biển và các nhân vật khác liên quan đến nghề biển thể hiện lòng biết ơn hướng về tổ tiên, hướng về nguồn cội. Trước mỗi chuyến ra khơi hoặc vào những ngày mừng một, ngày rằm, ngư dân thường đến các thiết chế văn hóa tâm linh thắp hương, cầu mong chuyến ra khơi được may mắn, thuận buồm xuôi gió. Sau khi trở về với tôm cá đầy khoang, họ lại mang đồ lễ đến cúng tế, tạ ơn các vị thần, tổ nghề đã phù hộ, chở che.

Thiết chế văn hóa trong không gian văn hóa biển đảo chính là nơi lưu giữ, phổ biến các giá trị văn hóa, thể hiện lối sống, nếp sống vùng, miền của các cư dân ngư nghiệp. Thiết chế văn hóa biển đảo góp phần khẳng định giá trị văn hóa truyền thống của vùng miền, của quốc gia, khẳng định chủ quyền biển đảo, đồng thời góp phần quan trọng trong việc phát triển du lịch biển. Mặc dù vậy, việc phát huy vai trò của thiết chế văn hóa trong xây dựng phát triển du lịch biển hiện nay vẫn còn những hạn chế nhất định. Nhiều thiết chế văn hóa trong không gian văn hóa biển đảo chưa được chú trọng khai thác đúng với giá trị, tiềm năng. Vì vậy, cần có sự nghiên cứu, nhìn nhận và đánh giá tiềm năng của các thiết chế văn hóa để khai thác và phát huy hiệu quả giá trị của các thiết chế văn hóa trong phát triển du lịch biển.

### 3. PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN

Để phát huy hiệu quả tiềm năng của các thiết chế văn hóa liên quan đến biển đảo trong phát triển du lịch biển, cần quan tâm tới một số giải pháp sau:

*Một là*, khai thác giá trị các thiết chế văn hóa biển đảo kết hợp gắn với thể mạnh và đặc trưng phát triển du lịch biển của từng vùng miền. Các vùng biển nước ta hiện nay được phân loại gồm: vùng ven biển phía Bắc (Quảng Ninh - Ninh Bình); vùng ven biển Bắc Trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ (Thanh Hóa - Bình Thuận); vùng ven biển Đông Nam Bộ (Bà Rịa Vũng Tàu - Thành phố Hồ Chí Minh); vùng ven biển Tây Nam Bộ (Tiền Giang - Cà Mau - Kiên Giang). Trong quá trình khai thác, cần chú ý đến chiến lược phát triển du lịch biển của từng vùng, miền, từng địa phương, đồng thời khai thác, phát triển cần đi đôi với bảo vệ, bảo tồn.

*Hai là*, chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao hiệu quả hoạt động, sử dụng và quản lý các thiết chế văn hóa trong không gian văn hóa biển đảo tại các địa phương. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quyết định số 1941/QĐ-BVHTTDL, về phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa và bảo tồn không gian văn hóa làng biển tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tuy nhiên, việc thực hiện đề án ở một số địa phương còn hạn chế, bất cập. Công tác tuyên truyền giáo dục truyền thống lịch sử, truyền thống văn hóa địa phương qua các thiết chế văn hóa đôi khi còn hình thức. Giá trị của các thiết chế văn hóa biển đảo chưa được coi trọng và nhận thức đầy đủ. Bởi vậy, cần tăng cường tổ chức hiệu quả

công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng của biển và đại dương; nhận thức được những nguy cơ đe dọa môi trường biển; khẳng định chủ quyền thiêng liêng quốc gia về biên giới và hải đảo. Đẩy mạnh định kỳ tổ chức các hội thi, liên hoan tuyên truyền về biển và hải đảo Việt Nam, lựa chọn phục dựng và xây dựng mô hình tổ chức lễ hội truyền thống tiêu biểu, văn minh gắn với phát triển du lịch biển, đảo.

*Ba là*, đẩy mạnh công tác kiểm kê cho các di tích lịch sử, thiết chế văn hóa tại các vùng biển đảo. Việc kiểm kê được thực hiện theo định kỳ để có các biện pháp xử lý kịp thời trước những hạn chế (nếu có), có kế hoạch tu sửa, nâng cấp hoặc đầu tư xây dựng mới các thiết chế văn hóa. Việc kiểm kê cũng góp phần phân loại, xác lập, xếp hạng cho các thiết chế văn hóa, tạo cơ sở cho việc lựa chọn đa dạng các loại hình du lịch như: du lịch văn hóa lịch sử, du lịch tham quan khám phá, du lịch vui chơi giải trí, du lịch tâm linh... phù hợp nhu cầu và các đối tượng du khách khác nhau.

*Bốn là*, nâng cao nguồn nhân lực quản lý các thiết chế văn hóa vùng biển đảo. Bảo đảm nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, am hiểu về văn hóa địa phương, nhận thức rõ vị trí, vai trò của các thiết chế văn hóa. Đồng thời bảo đảm nguồn thu nhập cho những người làm công tác tại các thiết chế văn hóa, những người làm công tác du lịch...

*Năm là*, đa dạng và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động tại các thiết chế văn hóa trong không gian văn hóa biển đảo, xây dựng các tour du lịch hấp dẫn thu hút ngày càng đông đảo du khách trong và ngoài nước.

Các thiết chế văn hóa biển đảo phát triển

du lịch có mối quan hệ hai chiều với nhau. Cùng với tiềm năng tự nhiên, biển đảo, hệ sinh thái..., thiết chế văn hóa chính là nguồn năng lượng cho phát triển du lịch. Phát triển du lịch tạo điều kiện nâng cao thu nhập, đảm bảo sinh kế cho người dân địa phương, tạo nguồn kinh phí cho công tác tái tạo, xây dựng, gìn giữ, phát triển các thiết chế văn hóa. Du lịch phát triển cũng góp phần làm lan tỏa các giá trị văn hóa biển đảo thông qua các thiết chế văn hóa tới các vùng ở trong và ngoài nước. Thế kỷ XXI được coi là “thế kỷ của đại dương”. Là một quốc gia đứng thứ 27/156 quốc gia có biển trên thế giới, du lịch biển đảo ở nước ta đang được chú trọng đầu tư. Cùng với các tiềm năng tự nhiên, thiết chế văn hóa cũng là một tiềm năng to lớn cần được khai thác trong phát triển du lịch biển, tạo điều kiện tỏa tỏa và khẳng định các giá trị văn hóa biển đảo Việt Nam đến với du khách trong và ngoài nước./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Chí Bền (2020), Văn hóa biển đảo Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
2. Nguyễn Văn Đông (2023), Phát triển du lịch bền vững, NXB Tài chính, Hà Nội
3. Nguyễn Văn Kim (2020), Người Việt với biển, NXB Thế giới, Hà Nội
4. Hùng Lượng (2011): Âm vang văn hóa biển đảo với Festival Biển 2011.
5. Người lao động (2018), Chiến lược phát triển kinh tế biển, truy cập ngày 06/4/2023.
6. Ngô Đức Thịnh (2010), Truyền thống văn hóa biển cận duyên của người Việt, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 316.
7. Trần Ngọc Thêm (2015), Tình hình nghiên cứu văn hóa biển đảo và tuyên truyền chủ quyền biển đảo Việt Nam, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia về Văn hóa biển đảo - nguồn lực phát triển bền vững, tại Trường Đại học Quảng Bình, tháng 8/2015.